

THÔNG BÁO
CHỈ TIÊU VÀ PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH
ĐẠI HỌC VỪA LÀM VỪA HỌC NĂM 2023

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Đề án tuyển sinh năm 2023 của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long;

Trường đại học Sư phạm Kỹ thuật Vĩnh Long thông báo chỉ tiêu và phương thức tuyển sinh đào tạo trình độ Đại học hệ vừa làm vừa học năm 2023, cụ thể như sau:

1. Tổng chỉ tiêu tuyển sinh: 600

2. Ngành đào tạo: *(Có danh mục kèm theo)*

3. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển

4. Đối tượng tuyển sinh

4.1. Đối tượng đã có bằng tốt nghiệp đại học

Tuyển sinh đối tượng đã có bằng tốt nghiệp Đại học được công nhận theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4.2. Các đối tượng khác

- Người đã có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương;
- Người đã có bằng TCCN, TCN, THCN, Trung học nghề, Bằng nghề...
- Người đã có bằng tốt nghiệp cao đẳng, cao đẳng nghề.

5. Thời gian tuyển sinh: Tuyển sinh liên tục trong năm

6. Thời gian đào tạo: Phù hợp với chương trình đào tạo từng ngành học và đối tượng tuyển sinh trên cơ sở quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Đối tượng đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương: 3.5 – 4 năm.
- Đối tượng đã tốt nghiệp trung cấp: 2.5 – 3 năm.
- Đối tượng đã tốt nghiệp Cao đẳng: 1.5 – 2 năm.
- Đối tượng đã tốt nghiệp đại học ngành khác: 1.5 – 2 năm.



7. Văn bằng tốt nghiệp: Cấp bằng Kỹ sư/Cử nhân

8. Phát và nhận hồ sơ:

- **Phòng Đào tạo**, tầng trệt nhà A, Trường ĐHSPKT Vĩnh Long, số 73 Nguyễn Huệ, Phường 2, TP.Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long. Điện thoại liên hệ: 0270.3862290; Website: www.vlute.edu.vn

- **Phòng đào tạo, phòng tuyển sinh** tại các Cơ sở liên kết.

Nơi Nhận:

- Phòng đào tạo;
- Trường ĐH SPKT Vĩnh Long;
- Cơ sở liên kết;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Lao Hùng Phi





PHỤ LỤC 1
DANH MỤC CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC VĨNH LÂM VỪA HỌC NĂM 2023

4.1. Đối tượng đã có bằng tốt nghiệp đại học

TT	Ngành đào tạo	Mã Ngành	Ghi Chú
1	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	7510203	
2	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7510303	
3	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201	
4	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	
5	Công nghệ thông tin	7480201	
6	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	
7	Công nghệ kỹ thuật nhiệt (Điện lạnh)	7510206	
8	Công nghệ kỹ thuật giao thông	7510104	
9	Công nghệ thực phẩm	7540101	
10	Thú y	7640101	
11	Giáo dục học	7140101	
12	Quản lý giáo dục	7140114	
13	Công tác xã hội	7760101	
14	Du lịch	7810101	
15	Luật	7380101	
16	Kinh tế (Kế toán, Quản trị kinh doanh, Tài chính ngân hàng)	7310101	
17	Truyền thông đa phương tiện	7320104	



PHỤ LỤC 2
DANH MỤC CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC VỪA LÀM VỪA HỌC NĂM 2023

4.2. Đối tượng đã có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương

TT	Ngành đào tạo	Mã Ngành	Tổ hợp môn xét tuyển
1	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	7510203	(1) Toán, Lý, Hoá (A00) (2) Toán, Lý, Tiếng Anh (A01) (3) Toán, Văn, Tiếng Anh (D01) (4) Văn, Toán, Địa (C04)
2	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7510303	
3	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201	
4	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	
5	Công nghệ thông tin	7480201	
6	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	
7	Công nghệ kỹ thuật nhiệt (Điện lạnh)	7510206	
8	Công nghệ kỹ thuật giao thông	7510104	
9	Công nghệ thực phẩm	7540101	(1) Toán, Hóa, Sinh (B00) (2) Toán, Lý, Tiếng Anh (A01) (3) Toán, Văn, Tiếng Anh (D01) (4) Văn, Toán, Địa (C04)
10	Thú y	7640101	
11	Giáo dục học	7140101	(1) Toán, Lý, Tiếng Anh (A01) (2) Toán, Văn, Tiếng Anh (D01) (3) Văn, Sử, Địa (C00) (4) Văn, Sử, CDCD (C19)
12	Quản lý giáo dục	7140114	
13	Công tác xã hội	7760101	
14	Du lịch	7810101	
15	Luật	7380101	
16	Kinh tế (Kế toán, Quản trị kinh doanh, Tài chính ngân hàng)	7310101	(1) Toán, Lý, Hoá (A00) (2) Toán, Lý, Tiếng Anh (A01) (3) Toán, Văn, Tiếng Anh (D01) (4) Toán, Văn, Địa (C04)



PHỤ LỤC 3
DANH MỤC CÁC NGÀNH ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC VỪA LÀM VỪA HỌC NĂM 2023

4.3. Đối tượng khác

TT	Ngành đào tạo	Mã Ngành	Ghi chú
1	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	7510203	
2	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	7510303	
3	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	7510201	
4	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301	
5	Công nghệ thông tin	7480201	
6	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205	
7	Công nghệ kỹ thuật nhiệt (Điện lạnh)	7510206	
8	Công nghệ kỹ thuật giao thông	7510104	
9	Công nghệ thực phẩm	7540101	
10	Thú y	7640101	
11	Giáo dục học	7140101	
12	Quản lý giáo dục	7140114	
13	Công tác xã hội	7760101	
14	Du lịch	7810101	
15	Luật	7380101	
16	Kinh tế (Kế toán, Quản trị kinh doanh, Tài chính ngân hàng)	7310101	